

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2019/HS-PT
Ngày: 31 - 10 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Thẩm phán: Ông Thái Văn Chấn;

Ông Cao Minh Lễ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Phước Đây - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 107/2019/TLPT-HS ngày 01 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Quốc K do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc K đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Quốc K, sinh năm 1997, tại tỉnh An Giang. Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Kim N, sinh năm 1972; có 02 anh em, bị cáo là người thứ 2; có vợ là Trần Thị Kim Đ, sinh năm 1999; có 01 con tên Nguyễn Quốc A, sinh năm 2017; Tiền án; tiền sự: chưa; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc K: Ông Lương Tường H - luật sư Công ty luật An G thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang. (có mặt)

Địa chỉ:, ấp V, thị trấn C, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

(Trong vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo; Viện kiểm sát không kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 07/12/2018 đến ngày 02/01/2019 T đã thực hiện hành vi trộm tài sản 06 lần của người dân trên địa bàn xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú. Sau khi trộm tài sản, T đều đưa cho anh rể là Nguyễn Quốc K, ngụ ấp Bình Hưng, xã Bình Long, huyện Châu Phú cất giữ, tiêu thụ, cụ thể như sau:

- Lần 1: Khoảng 11 giờ ngày 07/12/2018, T đột nhập vào nhà Phan Thị Thu B, ngụ ấp Mỹ Bình, xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú lấy trộm 17.000.000 đồng. Trộm xong T cho K biết và cho K 10.000.000 đồng; K sửa xe mô tô 7.000.000 đồng, còn 3.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. T nhờ K đưa cho cha ruột T là Trần Phước V 2.000.000 đồng, còn 5.000.000 đồng T tiêu xài cá nhân. Lần này K sử dụng 10.000.000 đồng.

- Lần 2: Khoảng 07 giờ ngày 16/12/2018, T đột nhập vào nhà Trương Thị Kim P, ngụ ấp Mỹ Bình, xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú lấy trộm 7.500.000 đồng. Trộm xong T đưa cho K cất giữ, K biết số tiền trên do T lấy trộm mà có. K sử dụng số tiền này mua máy tính bảng hiệu Huawei giá 3.500.000 đồng cho T chơi game; T tiêu xài 2.000.000 đồng. K tiêu xài 2.000.000 đồng.

- Lần 3: Khoảng 09 giờ ngày 23/12/2018, T đột nhập vào nhà Lê Văn N, ngụ ấp Mỹ Bình, xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú lấy trộm 3.000.000 đồng. Trộm xong T đưa cho K cất giữ, K biết số tiền trên do T lấy trộm mà có. Số tiền này T rủ K đi ăn uống và sắm đồ cá nhân cho T hết.

- Lần 4: Khoảng 10 giờ ngày 27/12/2018, T đột nhập vào nhà Lê Thị B, ngụ ấp Tây An, xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú lấy trộm 01 túi đựng vàng bên trong có 03 chiếc nhẫn, 02 sợi dây chuyền và số tiền 400.000 đồng. T đưa cho K giữ và cho K biết số vàng đó do trộm mà có. T kêu K bán 01 sợi dây chuyền để tiêu xài, K đem bán được 3.800.000 đồng nhưng nói với T bán được 3.500.000 đồng, K lấy 300.000 đồng. T kêu K đưa cho cha ruột Trần Phước V 1.000.000 đồng, T cho K 1.300.000 đồng, T giữ 1.200.000 đồng và 400.000 đồng tiêu xài hết. Số vàng còn lại K giao nộp cho Cơ quan điều tra. Trong lần thứ 4 này K tiêu thụ 1.600.000 đồng.

- Lần 5: Khoảng 09 giờ 30 ngày 01/01/2019, T đột nhập vào nhà Lê Văn N, ngụ ấp Mỹ Bình, xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú lấy trộm 01 điện thoại Samsung J4. T cho K biết việc lấy trộm và đưa K giữ để bán. K đã giao nộp điện thoại này cho Cơ quan điều tra.

- Lần 6: Khoảng 10 giờ ngày 02/01/2019, T đột nhập vào nhà Nguyễn Đặng Ngọc H, ngụ ấp Bình Điền, xã Bình Phú, huyện Châu Phú lấy trộm 01 điện thoại Samsung Galaxy J3 – 2016, màu vàng; 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 – 2016, màu trắng. T cho K biết việc lấy trộm và đưa K giữ để bán. K đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. K đã nộp 10.000.000 đồng khắc phục hậu quả.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 03/KL-ĐGTS ngày 21/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Phú xác định:

+ 01 chiếc nhẫn vàng 18kr, đường kính 02 cm, mặt nhẫn có cần hột màu xanh, trọng lượng 05 phân 09 li.

+ 01 chiếc nhẫn vàng 18kr, đường kính 02 cm, mặt nhẫn có cần hột màu xanh, trọng lượng 09 phân 07 li.

+ 01 chiếc nhẫn kim loại đồng, đường kính 02 cm, trọng lượng 09 phân.

+ 01 sợi dây chuyền, dài 46cm kèm mặt dây chuyền hình trái tim có cần hột đá nhỏ màu trắng là kim loại đồng, trọng lượng 09 phân.

+ 01 sợi dây chuyền vàng 18kr, dài 40cm, trọng lượng 02 chỉ 05 phân và 01 mặt cẩm thạch màu xanh đường kính 01cm, có kiềng vàng màu xung quanh khoảng 05 phân vàng 18kr (sợi dây chuyền này bị cáo đã bán có giá trị là 8.118.000 đồng).

Tổng giá trị là 12.539.000 đồng.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 04/KL-ĐGTS ngày 21/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Phú xác định:

+ 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J4 (J400F/DS), màu vàng đồng, 01 ốp lưng nhựa trong suốt, xung quanh ốp lưng có viền vàng, mặt sau có chữ Justmust, trị giá trên 2.417.000 đồng.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 05/KL-ĐGTS ngày 21/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Phú xác định:

+ 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 2016, màu trắng.

+ 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J3 2016, màu vàng đồng.

+ 01 ốp lưng nhựa trong suốt, xung quanh ốp lưng có viền vàng, có hột đá cần nhỏ màu trắng.

Tổng trị giá trên 4.318.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không ý kiến hay khiếu nại về kết luận định giá của Hội đồng định giá.

Tại bản Cáo trạng số: 14/CT-VKS.CP ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú đã truy tố Nguyễn Quốc K về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án số 13/2019/HS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc K phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc K 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự bắt bị cáo để chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, phần xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 26/6/2019, bị cáo Nguyễn Quốc K có đơn kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, có bổ sung yêu cầu xin xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ do hiện nay bị cáo đã có công việc ổn định và sau xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp khắc phục số tiền 3.600.000đ.

Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố nhà nước tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:

- Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Quốc K kháng cáo trong hạn luật định và tại phiên tòa bị cáo có bổ sung yêu cầu xin được cải tạo không giam giữ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc kháng cáo để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo tội danh trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật và đã đánh giá đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù là có cơ sở. Tuy nhiên, xem xét trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo tiếp tục nộp số tiền 3.600.000đ và bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hối cải. Do đó, xét toàn diện chứng cứ đánh giá, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giảm từ 02 đến 03 tháng tù.

Những phần khác của bản án sơ thẩm tuy không có kháng cáo, kháng nghị nhưng có một số phần chưa chính xác như: về vật chứng 01 máy tính bảng do bị cáo giao nộp chưa được xử lý; về trách nhiệm dân sự vừa buộc ông V, bà Đ bồi thường thiệt hại và bị cáo K bồi thường là trùng lặp; về xác định tư cách những người tham gia tố tụng trong vụ án không chính xác. Đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét những phần khác của bản án sơ thẩm như đã nêu: sửa phần trách nhiệm dân sự, xử lý phần vật chứng máy tính bảng bị cáo đã nộp, xác định lại tư

cách những người tham gia tố tụng trong vụ án và cần rút kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm: căn cứ Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có quy định 03 loại hình phạt chính: phạt tiền, cải tạo không giam giữ và phạt tù. Sau phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã nộp khắc phục 3.600.000đ cộng với 10.000.000đ đã nộp, đủ số tiền bị cáo phạm tội 13.600.000đ. Đồng thời, bị cáo có nơi cư trú ổn định, chấp hành tốt quy định pháp luật ở địa phương; có nơi làm việc ổn định đã có xác nhận của Công ty; có gia đình con nhỏ và phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Với những tình tiết đã nêu, thiết nghĩ không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc bị cáo đã thật sự ăn năn, hối cải để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, thay đổi hình phạt tù có thời hạn sang hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Ngoài ra, nếu không được chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét chấp nhận giảm mức hình phạt cao nhất đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa cho bị cáo.

Kiểm sát viên tranh luận: Đối với ý kiến của người bào chữa đề nghị có xem xét việc bị cáo có công việc và nơi cư trú ổn định để chuyển hình phạt tù sang cải tạo không giam giữ cho bị cáo. Qua nghiên cứu hồ sơ, đã đánh giá đầy đủ tính chất và mức độ hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo nên đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là tương xứng, phù hợp quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị cáo Nguyễn Quốc K kháng cáo trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo để giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về xác định tư cách tố tụng: cấp sơ thẩm xác định bà Phan Thị Thu B, bà Trương Thị Kim P, bà Lê Thị B, ông Lê Văn N là nguyên đơn dân sự; bà Đặng Thị Kim B, ông Trần Phước V là bị đơn dân sự là không đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Bởi lẽ, trong vụ án trộm cắp tài sản các ông (bà) B, P, B, N có tư cách là bị hại và ông V, bà B là cha mẹ của Trần Văn T, sinh ngày 09/10/2004 tham gia với tư cách vừa là người đại diện hợp pháp của T và là bị đơn dân sự. Tuy nhiên, đây là vụ án xét xử hành vi phạm tội “Tiêu thụ tài sản cho người khác phạm tội mà có” của bị cáo K, nên tư cách tố tụng của họ có thay đổi, cụ thể các ông (bà) Phan Thị Thu B, Trương Thị Kim P, Lê Thị B, Lê Văn N phải được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ông Trần Phước V, bà Đặng Thị Kim B là người đại diện hợp pháp của Trần Văn T trong vụ án mới đúng theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Đây là sai sót của cấp sơ thẩm nên cần nghiêm túc rút kinh nghiệm như đề

ngợi của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[2] Về nội dung:

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Quốc K tại phiên tòa phúc thẩm hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các Biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, kết luận định giá tài sản số 04/KL-ĐGTS ngày 21/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Phú và phù hợp với lời khai của đại diện hợp pháp bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đầy đủ căn cứ xác định: Bị cáo Nguyễn Quốc K nhiều lần biết rõ tài sản do Trần Văn T lấy trộm mà có nhưng vẫn cất giữ, tiêu thụ và thu lợi bất chính.

[3] Căn cứ vào quy định của pháp luật thì hành vi của bị cáo K đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh này theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc K, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, lẽ ra bị cáo phải chăm chỉ lao động để tạo ra của cải vật chất nuôi sống bản thân và trở thành người có ích cho gia đình và xã hội; không làm được điều đó khi biết Trần Văn T – là em vợ của mình (chưa thành niên) lấy trộm tài sản của người khác, bị cáo với tư cách là anh vợ phải có trách nhiệm dạy dỗ, khuyên ngăn T không được thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, nhưng ngược lại với bản chất lười lao động muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công lao động vất vả nên sau khi biết T lấy trộm tài sản bị cáo đã cất giấu và đem đi tiêu thụ cho T, dùng số tiền T chia được để tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần có một mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Hành vi của bị cáo đã thỏa mãn tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên”. Từ đó, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, khi quyết định hình phạt ngoài xem xét tính tiết tăng nặng còn xem xét đến tính tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; đã nộp một phần tiền khắc phục hậu quả; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải để xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù là phù hợp với quy định pháp luật nên đối với yêu cầu xin cho bị cáo chuyển từ hình phạt tù có thời hạn sang hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo và người bào chữa không có cơ sở để chấp nhận. Lẽ ra cần giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo, nhưng xét thấy sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã khắc phục nộp số tiền thu lợi bất chính còn lại 3.600.000 đồng, trong tổng số tiền 13.600.000 đồng. Đây là tính tiết mới thể hiện sự ăn năn, hối cải của bị cáo nên cần được ghi nhận để

xem xét chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo để giảm một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Đối với yêu cầu xin được hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, căn cứ khoản 5 Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về án treo thì người thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần không thuộc trường hợp được hưởng án treo. Từ đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp:

01 (một) máy tính bảng hiệu HUAWEI MediaPad T3 7, model: BG2-U01, số IMEI 869483034157436 – là tài sản có được từ việc Tán lấy trộm tài sản ngày 16/12/2018 đưa cho bị cáo K mua máy tính bảng nêu trên giá 3.500.000 đồng để chơi game. Theo biên bản xác minh phúc thẩm ngày 03/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang thì vật chứng nêu trên đã được nhập kho vật chứng ngày 25/6/2019 tại Công an huyện Châu Phú và đã được chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/10/2019. Đây là tài sản do phạm tội có được nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Cấp sơ thẩm đã thiếu sót không xử lý phần vật chứng nêu trên nên cần rút nghiêm.

Đối với số tiền bị cáo K phạm tội 13.600.000 đồng – đây là tiền thu lợi bất chính có được từ việc phạm tội nên cần tịch thu nộp Ngân sách nhà nước, nhưng cấp sơ thẩm tuyên ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Quốc K tự nguyện bồi thường 13.600.000 đồng cho các nguyên đơn dân sự (nay được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) là không đúng quy định pháp luật tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Và đồng thời đã tuyên buộc ông V, bà B (cha mẹ của T) có trách nhiệm bồi thường cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là trùng lặp phần trách nhiệm dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử sửa lại phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo, được chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo; sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa.

[7] Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo K không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357, Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Quốc K; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo, được chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 5 Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quốc K 06 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc ông Trần Phước V và bà Đặng Thị Kim B phải có trách nhiệm bồi thường cho: Phan Thị Thu B số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); Trương Thị Kim P số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu, năm trăm nghìn đồng); Lê Văn N số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng); Lê Thị B số tiền 8.518.000 đồng (tám triệu, năm trăm mười tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bị cáo Trần Quốc K đã nộp đủ số tiền 3.600.000đ (ba triệu, sáu trăm nghìn đồng) bản án sơ thẩm buộc bị cáo phải nộp theo biên lai thu số 0004156 ngày 16/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

- Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) máy tính bảng hiệu HUAWEI MediaPad T3 7, model: BG2-U01, số IMEI 869483034157436 (theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/10/2019 giữa Công an huyện Châu Phú với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú).

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 13.600.000 đồng (mười ba triệu, sáu trăm nghìn đồng) bị cáo K đã nộp (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/6/2019 giữa Công an huyện Châu Phú với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú và theo biên lai thu số 0004156 ngày 16/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Quốc K không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1);
- VKSND tỉnh An Giang (2);
- TAND huyện Châu Phú (2);
- Công an huyện Châu Phú (1);
- Cục THADS tỉnh An Giang (1);
- Chi cục huyện Châu Phú (1);
- Bị cáo (1);
- Phòng KTNV và THA (1);
- PV 27 (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Văn phòng (2);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Minh Châu

